

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 25

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đạu Thảo	Chủ tịch
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Thành viên
Ông Hoàng Đình Khánh	Thành viên
Bà Trần Thị Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Phượng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Huy Hoài	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Hoàng Thanh Sơn	Thành viên

Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Mạnh Xuân Kỳ

Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Số: 18/BCSX/2019-RSMMT

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị
Giám đốc Công ty
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2019, từ trang 5 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.077.029.630	25.200.637.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.856.554.050	4.413.232.361
1. Tiền	111		137.798.611	2.413.232.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.718.755.439	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	4.059.931.619	3.854.610.870
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.321.110.230	7.321.110.230
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.261.178.611)	(3.466.499.360)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.103.316.064	11.140.063.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.762.227.462	8.704.746.005
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	307.233.462	233.433.462
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.935.028.604	3.103.057.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(901.173.464)	(901.173.464)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	4.009.355.707	5.645.167.824
1. Hàng tồn kho	141		4.009.355.707	5.645.167.824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.872.190	147.563.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	30.447.500	59.532.560
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	17.424.690	88.030.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.960.646.952	7.281.235.288
II. Tài sản cố định	220		6.614.471.056	6.890.179.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	3.662.471.056	3.938.179.226
Nguyên giá	222		8.327.050.041	8.327.050.041
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.664.578.985)	(4.388.870.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.952.000.000	2.952.000.000
Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.824.134	193.824.134
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	193.824.134	193.824.134
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	30.000.000	30.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		122.351.762	167.231.928
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	122.351.762	167.231.928
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.037.676.582	32.481.872.546

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.526.693.030	10.457.312.481
I. Nợ ngắn hạn	310		5.376.693.030	10.307.312.481
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	756.701.202	3.571.026.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.298.937.421	4.140.504.906
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	272.176.056	276.580.955
4. Phải trả người lao động	314		346.557.427	603.768.329
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.130.764.705	759.899.522
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	390.000.000	660.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	110.327.013	224.303.485
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		71.229.206	71.229.206
II. Nợ dài hạn	330		150.000.000	150.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	150.000.000	150.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	22.510.983.552	22.024.560.065
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.510.983.552	22.024.560.065
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		684.906.291	684.906.291
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		712.635.211	226.211.724
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		226.211.724	11.009.046
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		486.423.487	215.202.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.037.676.582	32.481.872.546



Mạnh Xuân Kỳ
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.19	7.557.814.934	7.910.227.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.557.814.934	7.910.227.971
4. Giá vốn hàng bán	11	4.20	6.507.971.264	6.421.713.480
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.049.843.670	1.488.514.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.21	258.558.418	119.925.836
7. Chi phí tài chính	22	4.22	(184.255.084)	893.001.916
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	40.473.416
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.23	938.182.815	1.100.310.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		554.474.358	(384.872.044)
11. Thu nhập khác	31	4.24	2.555.000	62.002.029
12. Chi phí khác	32	4.25	-	75.177.160
13. Lợi nhuận khác	40		2.555.000	(13.175.131)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		557.029.358	(398.047.175)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.27	70.605.871	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		486.423.487	(398.047.175)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	232	(190)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	232	(190)



Mạnh Xuân Kỳ
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.740.497.714	12.271.542.614
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.371.364.119)	(10.809.462.570)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.403.236.474)	(2.170.852.714)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.421.361)	(40.622.285)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thụ khác từ hoạt động kinh doanh	06		394.569.040	567.111.810
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.159.526.090)	(605.698.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.801.481.290)	(787.981.867)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS DH khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		244.802.979	364.445.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		244.802.979	364.445.836
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	-	6.965.334.967
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	-	(6.524.501.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	440.833.358
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(2.556.678.311)	17.297.327
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.413.232.361	691.452.300
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.856.554.050	708.749.627



Mạnh Xuân Kỳ

Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập

Hoàng Đình Khánh

Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900559122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 05 năm 2018.

Ngày 26 tháng 7 năm 2010 cổ phiếu Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là VE2.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 21.558.800.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Việt Nam	6.790.756.000	31,45%	6.790.756.000	31,45%
Cổ phiếu quỹ		475.357.950	2,20%	475.357.950	2,20%
Các cổ đông khác		14.322.686.050	66,35%	14.322.686.050	66,35%
Cộng		21.588.800.000	100%	21.588.800.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 50 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch block, gạch terrazzo, gạch daramic);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.839.802	17.430.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.958.809	2.395.802.265
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	1.718.755.439	2.000.000.000
Cộng	1.856.554.050	4.413.232.361

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND			Tại ngày 01/01/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Đầu tư cổ phiếu là bên liên quan	5.702.062.611	2.440.884.000	(3.261.178.611)	5.702.062.611	2.235.576.000	(3.466.499.360)
- Xem thêm mục 4.31						
Công ty Cổ phần Sông Ba	1.619.047.619	2.354.500.000	-	1.619.047.619	2.414.000.000	-
Cộng	7.321.110.230	4.795.384.000	(3.261.178.611)	7.321.110.230	4.649.576.000	(3.466.499.360)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân Vneco	30.000.000	-	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	-	30.000.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Công ty Cổ phần Sông Ba trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân Vneco để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng	5.875.701.019	5.633.636.639
Công ty CP tư vấn và kinh doanh Sông Đà	877.103.272	1.123.803.272
Công ty TNHH Yên Lạc	2.724.231.759	1.073.362.291
Ban QLDA Phát Triển Điện Lực- Nghi Xuân	1.086.784.619	1.086.784.619
Các đối tượng khác	1.187.581.369	2.349.686.457
Phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	1.886.526.443	3.071.109.366
Cộng	<u>7.762.227.462</u>	<u>8.704.746.005</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty lưới điện cao thế miền Bắc	177.433.462	177.433.462
Công ty Cổ phần Lệ Ninh	37.800.000	36.000.000
Công ty Cổ Phần TVTKTM Kiến Việt	72.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng và TM Tân Kỳ	20.000.000	20.000.000
Cộng	<u>307.233.462</u>	<u>233.433.462</u>

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	3.289.622.664	-	2.564.999.130	-
Phải thu khác là bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	2.718.000	-	2.718.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	18.755.439	-	5.000.000	-
Phải thu khác	623.932.501	256.660.091	530.339.949	256.660.091
Cộng	<u>3.935.028.604</u>	<u>256.660.091</u>	<u>3.103.057.079</u>	<u>256.660.091</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
958.037.445	56.863.981	958.037.445	56.863.981
958.037.445	56.863.981	958.037.445	56.863.981

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Cộng

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND			Tại ngày 01/01/2019 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Dương Chí Giai	143.927.828	-	Trên 3 năm	143.927.828	-	Trên 3 năm
Nguyễn Chính Thanh	79.039.072	-	Trên 3 năm	79.039.072	-	Trên 3 năm
Nguyễn Đức Sơn	81.863.981	56.863.981	Trên 3 năm	81.863.981	56.863.981	Trên 3 năm
Xí nghiệp Thương mại & Xây dựng công trình	233.680.000	-	Trên 3 năm	233.680.000	-	Trên 3 năm
UBND Phường Quang Trung	89.589.159	-	Trên 3 năm	89.589.159	-	Trên 3 năm
UBND Trường Thi - Đường Lê Hồng Phong	59.376.372	-	Trên 3 năm	59.376.372	-	Trên 3 năm
UBND Trường Thi - Đường Trần thủ Độ	203.231.326	-	Trên 3 năm	203.231.326	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	67.329.707	-	Trên 3 năm	67.329.707	-	Trên 3 năm
Cộng	958.037.445	56.863.981		958.037.445	56.863.981	

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	348.148.226	-	2.356.638.573	-
Công cụ, dụng cụ	176.782.272	-	176.782.272	-
Chi phí SXKD dở dang	2.796.166.315	-	2.411.326.824	-
Thành phẩm	688.258.894	-	700.420.155	-
Cộng	4.009.355.707	-	5.645.167.824	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
CP bảo hiểm xe ô tô	2.947.500	27.390.303
CP trả trước ngắn hạn khác	27.500.000	32.142.257
Cộng	30.447.500	59.532.560
Dài hạn		
CCDC chờ phân bổ	119.977.709	165.416.735
CP trả trước dài hạn khác	2.374.053	1.815.193
Cộng	122.351.762	167.231.928

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	4.050.274.334	528.965.616	3.747.810.091	8.327.050.041
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	4.050.274.334	528.965.616	3.747.810.091	8.327.050.041
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2019	2.918.984.384	397.965.616	1.071.920.815	4.388.870.815
Khấu hao trong kỳ	66.817.664	21.500.000	187.390.506	275.708.170
Tại ngày 30/06/2019	2.985.802.048	419.465.616	1.259.311.321	4.664.578.985
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	1.131.289.950	131.000.000	2.675.889.276	3.938.179.226
Tại ngày 30/06/2019	1.064.472.286	109.500.000	2.488.498.770	3.662.471.056

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.046.832.354 đồng.

4.10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2019	2.952.000.000	2.952.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2019	2.952.000.000	2.952.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2019	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2019	-	-
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2019	2.952.000.000	2.952.000.000
Tại ngày 30/06/2019	2.952.000.000	2.952.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị Quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo – Chủ tịch Hội đồng quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện đang mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09/07/2010 Ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, nhượng quyền hoặc cho thuê thửa đất này cho Công ty CP Xây dựng Điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án nâng cấp kho 13 Mai Hắc Đế	193.824.134	193.824.134
Cộng	193.824.134	193.824.134

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán:	756.701.202	756.701.202	3.212.908.892	3.212.908.892
Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh - HyunDai	-	-	1.126.702.848	1.126.702.848
Công ty TNHH MTV XL Điện Hữu Duy KG	118.012.270	118.012.270	118.012.270	118.012.270
Công ty TNHH Việt Cường	78.127.548	78.127.548	-	-
Công ty CP ĐT Xây lắp điện Hải Phòng	89.309.788	89.309.788	89.309.788	89.309.788
Công ty TNHH và xây lắp Xuân Thành	243.628.653	243.628.653	584.879.518	584.879.518
Các đối tượng khác	227.622.943	227.622.943	1.294.004.468	1.294.004.468
Phải trả người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	-	-	358.117.186	358.117.186
Cộng	756.701.202	756.701.202	3.571.026.078	3.571.026.078

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	2.298.936.501	4.140.504.906
Các đối tượng khác	920	-
Cộng	2.298.937.421	4.140.504.906

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	-	158.930.056	736.848.404	854.499.303	-	276.580.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.424.690	-	70.605.871	-	88.030.561	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.600.000	1.600.000	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.646.000	241.891.252	130.245.252	-	-
Phí và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	17.424.690	272.176.056	1.053.945.527	987.744.555	88.030.561	276.580.955

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trích trước chi phí công trình	1.130.764.705	757.478.161
Lãi vay dự trả	-	2.421.361
Cộng	1.130.764.705	759.899.522

4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	390.000.000	660.000.000
Cộng	390.000.000	660.000.000

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	8.701.745	41.878.847
BHXH, BHYT, BHTN	3.037.100	1.622.400
Đối tượng khác	98.588.168	180.802.238
Cộng	110.327.013	224.303.485

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	150.000.000	150.000.000
Cộng	150.000.000	150.000.000

4.18. Vốn chủ sở hữu**4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	1.060.049.046	22.858.397.387
Lỗi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	(398.047.175)	(398.047.175)
Trả cổ tức	-	-	-	(1.049.040.000)	(1.049.040.000)
Tại ngày 30/06/2018	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	(387.038.129)	21.411.310.212
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	613.249.853	613.249.853
Số dư tại ngày 01/01/2019	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	226.211.724	22.024.560.065
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	486.423.486	486.423.486
Tại ngày 30/06/2019	21.588.800.000	(475.357.950)	684.906.291	712.635.210	22.510.983.551

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	6.790.756.000	6.790.756.000
Cổ phiếu quỹ	475.357.950	475.357.950
Các cổ đông khác	14.322.686.050	14.322.686.050
Cộng	21.588.800.000	21.588.800.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	21.588.800.000	21.588.800.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	21.588.800.000	21.588.800.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.158.880	2.158.880
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.158.880	2.158.880
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	60.800	60.800
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.800	60.800
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.098.080	2.098.080
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	486.423.487	(398.047.175)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	486.423.487	(398.047.175)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	232	(190)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	486.423.487	(398.047.175)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	486.423.487	(398.047.175)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.098.080	2.098.080
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.098.080	2.098.080
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	232	(190)

4.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	7.090.452.134	7.459.291.608
Doanh thu bán hàng	17.362.800	936.363
Doanh thu cung cấp dịch vụ	450.000.000	450.000.000
Cộng	7.557.814.934	7.910.227.971
Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	4.829.582.666	7.459.291.608

4.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	6.331.551.131	6.420.981.616
Giá vốn của thành phẩm đã bán	14.061.261	731.864
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	162.358.872	-
Cộng	6.507.971.264	6.421.713.480

4.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	204.000.000	119.000.000
Lãi tiền gửi	54.558.418	925.836
Cộng	258.558.418	119.925.836

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.22. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	40.473.416
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	852.528.500
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(188.211.749)	-
Chi phí tài chính khác	3.956.665	-
Cộng	(184.255.084)	893.001.916

4.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	534.457.137	503.556.654
Chi phí dụng cụ văn phòng	3.741.000	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.703.407	133.519.259
Chi phí thuê đất, phí khác	178.848.794	188.966.380
Các khoản chi phí QLDN khác	119.432.477	274.268.162
Cộng	938.182.815	1.100.310.455

4.24. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	46.946.008
Thu nhập khác	2.555.000	15.056.021
Cộng	2.555.000	62.002.029

4.25. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trợ cấp thất nghiệp	-	42.936.000
Các khoản khác	-	32.241.160
Cộng	-	75.177.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.827.625.918	3.341.718.396
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.741.000	-
Chi phí nhân công	2.045.526.942	2.304.387.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.708.170	260.708.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.141.412.496	3.326.613.711
Chi phí khác bằng tiền	524.817.782	278.179.162
Cộng	7.818.832.308	9.511.606.534

4.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	557.029.357	(398.047.175)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	204.000.000	119.000.000
- <i>Cổ tức được nhận</i>	204.000.000	119.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	353.029.357	(517.047.175)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.605.870	-

4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	6.965.334.967
Cộng	-	6.965.334.967

4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	6.524.501.609
Cộng	-	6.524.501.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây lắp và bộ phận bán thành phẩm gạch và cho thuê mặt bằng. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận bán thành phẩm gạch và cho thuê mặt bằng chiếm lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả công ty (chi tiết trong thuyết minh số 4.19). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

4.31. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO3

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4

Công ty CP Xây dựng Điện VNECO12

HDQT và Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần
Xây dựng điện Việt Nam

Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần
Xây dựng điện Việt Nam

Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần
Xây dựng điện Việt Nam

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.759.885.574	2.919.041.997
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	-	25.426.500
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	126.640.869	126.640.869
Cộng - Xem thêm mục 4.3	1.886.526.443	3.071.109.366

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	2.718.000	2.718.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	2.718.000	2.718.000

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO12	-	358.117.186
Cộng - xem thêm mục 4.12	-	358.117.186

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	2.298.936.501	4.140.504.906
Cộng - Xem thêm mục 4.13	2.298.936.501	4.140.504.906

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Đầu tư cổ phiếu:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	5.702.062.611	5.702.062.611
Cộng - xem thêm mục 4.2	5.702.062.611	5.702.062.611

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	4.829.582.666	7.096.886.259
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	-	69.600.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO3	-	115.575.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO10	-	177.230.349
Cộng - Xem thêm mục 4.19	4.829.582.666	7.459.291.608

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	339.537.500
Cộng	-	339.537.500

CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Địa chỉ: Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	469.683.000	368.757.000
Cộng	469.683.000	368.757.000

4.32. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	178.684.000	94.253.100
Cộng	178.684.000	94.253.100

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo thông báo số 100 CV/VNECO2 ngày 05/08/2019 của Công ty CP Xây dựng điện VNECO2, từ ngày 03 tháng 08 năm 2019 Ông Nguyễn Đâu Thảo không còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty, lý do: Ông Nguyễn Đâu Thảo đã từ trần hồi 10 giờ 50 phút ngày 03 tháng 08 năm 2019.

**Phê Duyệt****Manh Xuân Kỳ**
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Người lập
Hoàng Đình Khánh
Kế toán trưởng